

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12 – 7 – 2018

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Sầm

Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2018/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Liu, Yu C, sinh năm 1981 (*Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Cư trú tại: Khóm 009, thôn T, làng H, huyện M, lãnh thổ Đài Loan.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1994 (*Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Cư trú tại: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2018 và đơn yêu cầu được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 12/6/2018, nguyên đơn Liu, Yu C trình bày:

Qua một thời gian tìm hiểu lẫn nhau thì ông Liu, Yu C và bà Nguyễn Thị Mỹ H tự nguyện làm thủ tục đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 05/6/2017. Sau khi kết hôn, bà Nguyễn Thị Mỹ H sang Đài Loan chung sống với ông một thời gian. Nhưng do bà H không thích ứng được lối sống ở Đài Loan nên bà H yêu cầu ly hôn, sau đó bà H trở về Việt Nam. Từ đó, ông không liên lạc được với bà H, điện thoại di động của bà H cũng tắt máy. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông Liu, Yu C yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ H.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn ông Liu, Yu C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, ông Liu, Yu C có đơn yêu cầu Tòa án không áp dụng quy định tại Điều 476 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để ấn định thời gian giải quyết vụ án; đề nghị Tòa án không tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đồng thời đề nghị xét xử vắng mặt ông trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Theo đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt đề ngày 03/5/2018, bị đơn Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Vào năm 2017, thông qua giới thiệu nên bà quen biết với ông Liu, Yu C. Sau một thời gian tìm hiểu cảm thấy hợp nhau nên ông bà tự nguyện tiến tới hôn nhân, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18, ngày 05/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn thì ông Liu, Yu C có làm thủ tục để bảo lãnh bà H sang Đài Loan đoàn tụ gia đình và đến tháng 7/2017 thì bà H sang Đài Loan. Nhưng trong thời gian chung sống tại Đài Loan thì giữa bà H và ông Liu, Yu C bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ. Do đó, sau hai tháng sống tại Đài Loan, đến tháng 12/2017 thì bà H trở về Việt Nam. Từ đó đến nay giữa hai người không còn liên lạc với nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Bà H nhận thấy mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc với ông Liu, Yu C là không đạt được, quan hệ hôn nhân chỉ ràng buộc nhau về mặt pháp lý, nếu kéo dài cũng làm tổn thương nhau, không thể cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Nay ông Liu, Yu C nộp đơn yêu cầu ly hôn, bà H có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Liu, Yu C theo quy định của pháp luật.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung là không có nên đề nghị Tòa án không đặt ra xem xét.

Đến ngày 03/5/2018, bà H có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 11/4/2018 của nguyên đơn, ông Liu Yu C yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ H; về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn không yêu cầu giải quyết. Tòa án thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc tranh chấp xin ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; trong vụ án có đương sự ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Nguyên đơn Liu, Yu C là người có quốc tịch nước ngoài, đang cư trú ở nước ngoài nhưng ông đã có văn bản yêu cầu Tòa án không áp dụng quy định tại

Điều 476 để thông báo về việc thụ lý vụ án; ấn định ngày mở phiên họp; phiên tòa xét xử vụ án, đồng thời yêu cầu Tòa án không tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Ngoài ra, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H cũng có văn bản đề nghị Tòa án không tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, ông Liu, Yu C và bà Nguyễn Thị Mỹ H đã tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 05/6/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Liu, Yu C và bà Nguyễn Thị Mỹ H là hôn nhân hợp pháp.

[4] Sau khi đăng ký kết hôn, ông Liu, Yu C tiến hành thủ tục bảo lãnh bà H sang Đài Loan đoàn tụ gia đình. Nhưng trong thời gian chung sống tại Đài Loan thì giữa bà H và ông Liu, Yu C bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ. Do đó, sau hai tháng sống tại Đài Loan, đến tháng 12/2017 thì bà H trở về Việt Nam sinh sống. Từ đó đến nay giữa hai người không còn liên lạc với nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Trong quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu được ly hôn và trình bày thống nhất với nhau về quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng. Hiện nay bà Nguyễn Thị Mỹ H đang sinh sống ở Việt Nam và ông Liu, Yu C thì sinh sống tại Đài Loan, không còn liên lạc với nhau cũng như không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng từ tháng 12/2017. Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Liu, Yu C đều cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn và mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho ông Liu, Yu C và bà Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn.

[5] Về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Ông Liu, Yu C và bà Nguyễn Thị Mỹ H đều trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông Liu, Yu C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 470; điểm a khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24,

điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Liu, Yu C.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Liu, Yu C và bà Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn khi ly hôn: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Liu, Yu C phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003026 ngày 31/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Liu, Yu C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn